

Tư Duy Phản Biện – Critical Thinking

05/08/2011 § 1 Comment

ThS. Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang

Viện Nghiên cứu Giáo dục

“**Critical thinking**” được chúng tôi tạm dịch là “**tư duy phản biện**”. Đây là một nội dung có trong tiêu chuẩn đầu ra của nhiều trường đại học, đặc biệt là các học viện kỹ thuật có thực hiện xây dựng và quản lý chương trình đào tạo theo phương thức tiếp cận CDIO. Bài viết này tổng hợp và dịch thuật một số tài liệu để giới thiệu về khái niệm này.

Thuật ngữ “critical thinking” thường được dịch là “tư duy phê phán”. “Phê phán” là từ chỉ hành động chỉ ra cái chưa tốt, cái sai lầm, từ này không bao hàm ý nghĩa “đánh giá”. Đánh giá là phải nhìn nhận cả các giá trị, các kết quả đạt được bên cạnh những thiếu sót và tồn tại. “Quan điểm phê phán” vốn được hiểu là đứng trên lập trường của một hệ phái và phủ định các lý thuyết khác biệt với tư tưởng chính thống, không chấp nhận khả năng tiếp cận vấn đề từ nhiều phương diện khác nhau. Thuật ngữ “critical thinking” trong các tài liệu mà chúng tôi tham khảo có nội hàm rộng hơn cách hiểu “phê phán” theo ý nghĩa nêu trên, do đó cần phải tìm một cách dịch khác.

Theo từ điển Oxford Advanced Learner’s Dictionary thì “critical” là tính từ dùng để diễn tả:

- nghi là không tốt, chê bai, bất đồng, không tán thành, phản đối
- cực kỳ quan trọng, sẽ có nhiều ảnh hưởng trong tương lai
- nghiêm trọng, nguy hiểm
- đưa ra phán đoán cẩn thận, công bằng về chất lượng tốt hay kém (involving making fair, careful judgements about the good and bad qualities of somebody or something).

Với ý nghĩa này ví dụ được nêu ra như sau: “Sinh viên được khuyến khích phát triển tư duy phản biện thay vì chỉ chấp nhận các quan điểm mà không xem xét” (Students are encouraged to develop critical thinking instead of accepting opinions without questioning them).

- phê bình (nghệ thuật, âm nhạc, văn học)

Qua tham khảo cách giải thích của từ điển Oxford đã dẫn, chúng tôi cho rằng từ “critical” trong thuật ngữ “critical thinking” không được dùng với ý nghĩa phê phán, mà mang ý nghĩa đưa ra phán đoán. Chúng tôi sử dụng cách dịch khác là “tư duy phản biện” để phù hợp hơn với nội dung vấn đề được đề cập.

1. Tư duy phản biện là gì?

Chúng tôi mở đầu bài lược khảo này bằng đoạn trích từ tài liệu của Alec Fisher. **A. Fisher (2001)** đã điểm lại những phát biểu định nghĩa về tư duy phản biện của nhiều tác giả, đồng thời phân tích các định nghĩa này để cho thấy nhận thức về tư duy phản biện đã qua một chặng đường phát triển lịch sử khá lâu dài, khởi đầu từ sự tiếp cận của triết gia cổ đại **Socrates**, và quan điểm cuối cùng được đề cập là của **Michael Scriven**.

Mặc dù Socrates đã tiếp cận vấn đề tư duy phản biện từ cách đây hơn 2000 năm, nhưng định nghĩa của **John Dewey** – nhà triết học, tâm lý học, giáo dục học người Mỹ – về tư duy phản biện mới được biết đến một cách rộng rãi. J. Dewey gọi tư duy phản biện là **“reflective thinking” (suy nghĩ sâu sắc)** và định nghĩa là:

“Sự suy xét chủ động, liên tục, cẩn trọng về một niềm tin, một giả định khoa học có xét đến những lý lẽ bảo vệ nó và những kết luận xa hơn được nhắm đến”

Định nghĩa của John Dewey nhấn mạnh đến tính chủ động của tư duy phản biện. Khi một người tư duy phản biện, họ tự nảy ra câu hỏi, tự đi tìm các thông tin liên quan, ..., hơn là học hỏi thụ động từ người khác. J. Dewey cũng nhấn mạnh đến tính liên tục của tư duy phản biện. Tư duy phản biện đòi hỏi phải xem xét mọi vấn đề, mọi thông tin liên quan trước khi đi đến kết luận hoặc ra quyết định. Quan trọng nhất, định nghĩa của J. Dewey nói rằng niềm tin của chúng ta bị chi phối bởi sự suy luận. Suy luận có vai trò quan trọng to lớn trong tư duy phản biện, cả suy luận và đánh giá suy luận đều có ý nghĩa tích cực. Trong tư duy phản biện, khả năng suy luận là yếu tố then chốt.

Edward Glaser, đồng tác giả của một trắc nghiệm tư duy phản biện được sử dụng rộng rãi nhất thế giới là **Watson–Glaser Critical Thinking Appraisal** phát biểu về tư duy phản biện như sau:

“(1) là thái độ sẵn lòng quan tâm suy nghĩ chu đáo về những vấn đề và chủ đề xuất hiện trong cuộc sống cá nhân; (2) là sự hiểu biết về phương pháp điều tra và suy luận có lý; và (3) là một số kỹ năng trong việc áp dụng các phương pháp đó. Tư duy phản biện đòi hỏi sự nỗ lực bền bỉ để khảo sát niềm tin hay giả thuyết bất kỳ có xem xét đến các bằng chứng khẳng định nó và những kết luận xa hơn được nhắm đến”.

Ý tưởng của E. Glaser rất giống với ý tưởng của J. Dewey. E. Glaser đề cập đến các “bằng chứng” thay cho các “ý tưởng” trong một câu tương tự như phát biểu của J. Dewey. E. Glaser nhìn nhận rằng kỹ năng tư duy là một thành phần tất yếu của tư duy phản biện.

Một người rất nổi tiếng trong nghiên cứu về tư duy phản biện là Robert Ennis. Alec Fisher cho rằng định nghĩa của R. Ennis về tư duy phản biện đã được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực:

“Tư duy phản biện là sự suy nghĩ sâu sắc, nhạy cảm, thực tế và hữu ích để quyết định niềm tin hay hành động”.

Các tác giả trước đó đã đề cập đến “sự suy nghĩ sâu sắc”, nhưng chính R. Ennis đã nhấn mạnh “để quyết định hành động”. Do đó, ra quyết định là một yếu tố của tư duy phản biện theo định nghĩa của R. Ennis.

Richard Paul phát biểu về tư duy phản biện từ một góc nhìn khác biệt so với các tác giả trước ông:

“Tư duy phản biện là một mô hình tư duy – về một chủ đề, một vấn đề, một nội dung bất kỳ – trong đó chủ thể tư duy cải tiến chất lượng tư duy của mình bằng việc điều khiển một cách thành thạo các cấu trúc nền tảng có sẵn của tư duy và áp đặt các tiêu chuẩn của hành động trí tuệ lên quá trình tư duy của mình”.

Phát biểu này thú vị bởi nó lôi cuốn người ta quan tâm đến một đặc điểm của tư duy phản biện được các nhà giáo dục và các nhà nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực đồng ý rộng rãi, đó là: Cách thức có ý nghĩa thực tế duy nhất để phát triển khả năng tư duy phản biện của một ai đó là thông qua “tư duy về tư duy của chính họ” (thường được gọi là “siêu nhận thức” (metacognition), với mục tiêu được quan tâm là cải tiến nó bằng cách tham khảo một số mô hình tư duy thành công trong cùng lĩnh vực.

Michael Scriven thì cho rằng tư duy phản biện là “một năng lực học vấn cơ bản, tương tự như là đọc và viết vậy”, và phát biểu như sau:

“Tư duy phản biện là khả năng, hành động để thấu hiểu và đánh giá được những dữ liệu thu thập được thông qua quan sát, giao tiếp, truyền thông, và tranh luận”

Hành động phân tích để thấu hiểu và diễn đạt lại nội dung đã tiếp thu bằng ngôn ngữ của mình hoặc bằng một hình thức khác (viết, vẽ, làm film ảnh, ngôn ngữ cơ thể), và hành động đánh giá (ước đoán giá trị, khả năng, độ tin cậy của các tuyên bố) là những hành động được xem là đòi hỏi phải sử dụng các kỹ năng tư duy phản biện. Tư duy phản biện cần được hiểu là một loại tư duy để đánh giá, nó bao gồm sự phê phán và cả tư duy sáng tạo. Để hiểu tốt một vấn đề mà chỉ phát hiện lỗi trong ý tưởng và lập luận của người khác là chưa đủ. Điều quan trọng là những kết luận thận trọng chỉ đưa ra khi được xây dựng trên cơ sở các luận cứ vững chắc. Vì thế, cần phải thường xuyên suy nghĩ về mọi yếu tố có liên quan, tìm kiếm thêm những thông tin mới, chứ không chỉ là những gì đã được phơi bày. Hơn nữa, còn phải xem xét vấn đề ở nhiều khía cạnh khác nhau, phải tiên đoán những khả năng có thể xảy ra trong tương lai, điều đó cũng có nghĩa là cần phải có khả năng tư duy sáng tạo.

Tác giả tiếp theo mà chúng tôi muốn giới thiệu là **Mathew Lipman**. M Lipman (2003) có một hành động tóm lược một cách vắn tắt một số phát biểu của các tác giả khác về tư duy phản biện như sau:

- Tư duy để giải quyết vấn đề và ra quyết định (Sternberg)
- Tư duy nỗ lực để đưa ra một phán đoán sau khi đã tìm cách thức đáng tin cậy để đánh giá thực chất về mọi phương diện của các bằng chứng và các luận cứ (Hatcher)
- Là khả năng của người tư duy phát triển các tiêu chuẩn năng lực hoạt động trí tuệ và vận dụng vào quá trình tư duy của chính họ (Paul)
- Sự nỗ lực tìm kiếm một cách có hệ thống những nguyên nhân và lý lẽ giải thích những điều mà có thể đã được người khác cho là đúng
- Là loại tư duy bảo vệ chúng ta không bị người khác lừa phỉnh và không tự lừa phỉnh chính mình (Paul)
- Là sự đánh giá đúng các phát biểu (Ennis)
- Là sự vận dụng các lý thuyết về tư duy vào thực tiễn và các tình huống có vấn đề
- Hiểu được nguyên nhân và tiến trình của các sự kiện
- Xem xét các cách giải thích khác nhau về kết quả khảo sát từ các tình huống, lý thuyết, và quan điểm khác nhau

Và Diane F. Halpern (2003) đã phát biểu một nhận định rất khái quát như sau:

Có thể tập hợp được rất nhiều phát biểu của các nhà tâm lý học và các nhà khoa học ở nhiều lĩnh vực khác về thuật ngữ “tư duy phản biện”. Tuy nhiên, các phát biểu này có khuynh hướng giống nhau về nội dung. Tác giả này cũng dẫn nguồn tài liệu từ Fischer và Spiker cho rằng phần lớn các định nghĩa về thuật ngữ “tư duy phản biện” có dùng các từ như là suy luận (reason)/logic, phán đoán (judgment), siêu nhận thức (metacognition), phản ánh (reflection), đặt vấn đề (questioning), và quá trình nhận thức (mental processes).

D. Halpern cũng cho biết theo trong một nghiên cứu của Jones và các đồng nghiệp đã công bố thì có 500 nhà hoạch định chính sách, nhà giáo dục, người sử dụng lao động đã đồng ý rằng: *“Tư duy phản biện là một phạm trù chỉ sự suy luận theo lối mở, không bị hạn chế, số lượng các giải pháp là không giới hạn, bao hàm cả việc xây dựng các điều kiện, các quan điểm và ý tưởng đúng đắn để đi đến kết luận vấn đề”*.

2. Tư duy phản biện có gì khác biệt?

K. B. Beyer (1995) nêu lên các đặc điểm thiết yếu của người có tư duy phản biện, đó là:

- **Không có thành kiến:** người có tư duy phản biện là người ham tìm hiểu, biết lắng nghe và có thể chấp nhận ý kiến trái ngược với mình, đề cao giá trị công bằng, tôn trọng bằng chứng và lý lẽ, thích sự rõ ràng chính xác, biết xem xét các quan điểm khác nhau, và sẽ thay đổi quan điểm khi sự suy luận cho thấy phải làm như vậy
- **Biết vận dụng các tiêu chuẩn:** cần phải có các điều kiện được thoả mãn nhất định để một phát biểu trở thành có thể tin cậy được. Mặc dù các lĩnh vực khác nhau có thể có các tiêu chuẩn khác nhau, nhưng có một số tiêu chuẩn có thể được áp dụng chung cho nhiều vấn đề, ví dụ như: "...một khẳng định bất kỳ phải ... được dựa trên những sự thật chính xác có liên quan, từ các nguồn đáng tin cậy, rõ ràng, không thiên lệch, thoát khỏi logic ngụy biện, hợp logic, lý lẽ vững chắc"
- **Có khả năng tranh luận:** đưa ra các lý lẽ với các bằng chứng hỗ trợ. Tư duy phản biện bao gồm cả việc nhận dạng, đánh giá, và xây dựng các lý lẽ
- **Có khả năng suy luận:** có khả năng rút ra kết luận từ một hoặc nhiều chi tiết. Để làm được việc này cần phải nhìn thấy được mối quan hệ logic giữa các dữ liệu.
- **Xem xét vấn đề từ nhiều phương diện khác nhau:** người có tư duy phản biện cần phải tiếp cận hiện tượng từ nhiều quan điểm khác nhau
- **Áp dụng các thủ thuật tư duy:** Tư duy phản biện sử dụng nhiều thủ thuật tư duy khác nhau, bao gồm đặt câu hỏi, đưa ra các phán đoán, thiết lập các giả định.

M. Lipman (2003) đưa ra một danh sách các đặc điểm của người có tư duy phản biện như sau:

* *Các đặc điểm quen thuộc.*

- Sử dụng các bằng chứng một cách am hiểu, không thiên lệch
- Sắp xếp và diễn giải các ý tưởng một cách ngắn gọn rõ ràng dễ hiểu
- Phân biệt giữa các suy diễn logic có thể chấp nhận được và không thể chấp nhận được
- Đưa ra phán đoán khi không có đủ các bằng chứng để có thể kết luận
- Nỗ lực để dự kiến các tình huống có thể xảy ra đối với các phương án hành động trước khi quyết định chọn phương án nào
- Vận dụng các kỹ thuật giải quyết vấn đề thích hợp vào các tình huống mới hay lĩnh vực khác

- Lắng nghe cẩn thận các ý tưởng của người khác
- Tìm kiếm các cách tiếp cận khác thường cho các vấn đề phức tạp
- Hiểu những khác biệt trong các kết luận, giả định, giả thuyết
- Thường xuyên hỏi quan điểm của người khác và nỗ lực để hiểu cả những giả định và hàm ý của họ
- Nhận ra được những sai lầm trong quan điểm của người khác, những thiên lệch có thể trong các quan điểm đó, và nguy cơ của việc định giá các bằng chứng một cách sai lệch do ảnh hưởng của các quan tâm cá nhân.

*** Các đặc điểm đặc biệt hơn*

- Hiểu sự khác biệt giữa suy luận và cố gắng suy luận có lý
- Hiểu các ý kiến biểu lộ các mức độ khác nhau của sự tin cậy
- Nhận thức về giá trị và giá cả của thông tin, biết cách tìm kiếm thông tin
- Nhìn thấy và phân biệt được nét khác biệt trong sự tương đồng, không bị làm lẫn bởi các dấu hiệu bề ngoài
- Có thể dựng lại cấu trúc không chính thức của vấn đề đã được trình bày trong cách thức mà các kỹ thuật chính thức có thể được dùng để giải quyết chúng
- Hiểu sự khác biệt giữa thắng trong sự tranh cãi và có chân lý
- Nhận thức rằng các vấn đề trong thực tiễn có thể có nhiều hơn một giải pháp và những giải pháp đó khác nhau về một vài phương diện và có thể khó chọn ra giải pháp tốt nhất
- Có khả năng lướt bỏ các câu chữ hay lý lẽ ít liên quan
- Nhạy cảm với sự khác nhau giữa sự có thể chấp nhận được và sức mạnh của một niềm tin
- Có thể trình bày lại các quan điểm khác nhau mà không thay đổi, cường điệu hay tô vẽ thêm
- Nhận thức rằng sự hiểu biết của cá nhân luôn luôn là hạn chế cho nên với một thái độ không quan tâm tìm hiểu và học hỏi thì thường xuyên là phải lầm lẫn

Mathew Lipman (2003), đã đi sâu vào phân tích một số đặc điểm bản chất của tư duy phản biện như sau:

- *Sản phẩm của tư duy phản biện là các phán đoán:*

Phán đoán là hình thức diễn đạt chung của mọi quan điểm, ước lượng, và kết luận, do đó, cũng bao hàm cả các cách thức giải quyết vấn đề, quyết định được đưa ra, sự thông hiểu khái niệm. Vì vậy, nói rằng sản phẩm của tư duy phản biện là các phán đoán thì có ý nghĩa rất khái quát. Tuy nhiên, tư duy phản biện hướng đến sự khôn ngoan nên các sản phẩm được nhắm đến của tư duy phản biện phải là các phán đoán tốt. Sự phân biệt cơ bản giữa một phán đoán tốt và một phán đoán không có giá trị là tính ứng dụng thực tiễn của nó. Mọi người, cho dù họ là bác sĩ hay nông dân, họ đều phải thường xuyên đưa ra các phán đoán trong công việc cũng như trong đời sống. Một bác sĩ giỏi không thể chỉ chẩn bệnh tốt mà còn phải kê đơn thuốc và tiên lượng phản ứng của bệnh nhân, cũng như là các cân nhắc về vấn đề đạo đức. Một phán đoán tốt là kết quả của sự xem xét đến tất cả mọi vấn đề liên quan, bao gồm cả chính phán đoán đó. Một phán đoán tốt phải là sản phẩm của một tiến trình tư duy thận trọng về kỹ năng và có sử dụng các thủ thuật và công cụ hỗ trợ thích hợp.

Tư duy phản biện là loại tư duy ứng dụng. Do đó, nó không chỉ nhắm đến việc đạt được sự hiểu biết, mà còn là việc vận dụng kiến thức để tạo ra những thay đổi tích cực. Một cách tóm tắt: sản phẩm tối thiểu của tư duy phản biện là các phán đoán, và sản phẩm tối đa của nó là sự ứng dụng thực tiễn của các phán đoán đó.

- Tư duy phản biện là loại tư duy dựa vào tiêu chuẩn

Có một mối quan hệ logic giữa các khái niệm tư duy phản biện, tiêu chuẩn, và phán đoán, đó là: Tư duy phản biện được nhận định như là một loại tư duy đáng tin cậy, thận trọng về kỹ năng và khả năng đánh giá, do vậy, không thể hiểu tư duy phản biện mà thiếu quan tâm đến tiêu chuẩn.

- Tư duy phản biện là loại tư duy tự điều chỉnh

Phần nhiều những suy nghĩ của chúng ta là rất chủ quan, chúng ta không thường tự tranh luận với mình xem điều mình nghĩ là đúng hay sai. Chúng ta thường suy nghĩ một cách chung chung, từ việc này liên tưởng đến việc khác, nhưng không quan tâm đầy đủ đến vấn đề chân lý hay giá trị, và thậm chí ít quan tâm đến khả năng có thể mắc sai sót. Mặc dù chúng ta có thể tự phản ánh chính suy nghĩ của mình, nhưng vẫn có thể làm điều đó một cách chủ quan. Vì thế, việc phát hiện ra những mâu thuẫn, thiếu căn cứ, nhầm lẫn trong tiến trình tư duy của mình và sửa chữa tất cả các lỗi là một mục tiêu của tư duy phản biện.

- Tư duy phản biện thể hiện sự nhạy cảm trước bối cảnh

Tư duy nhạy cảm với bối cảnh có nghĩa là phải:

- Nhận thức được các tình huống ngoại lệ hay khác thường. Chúng ta thường suy nghĩ đến tính chân thực hay giá trị của một phát biểu độc lập với tính cách của người nói, nhưng trong tòa án, tính cách của nhân chứng có thể là một yếu tố có liên quan để xem xét.
- Nhận thức được các giới hạn đặc biệt, các biến cố, các rào cản của suy luận có lý (những thành kiến, định kiến). Ví dụ như hai đường thẳng song song không bao giờ gặp nhau, điều này là chắc chắn trong hình học Euclidean, nhưng trong hình học phi Euclidean thì không.
- Nhận thức được tính tổng thể và nhạy cảm với những cái đặc biệt và đơn nhất
- Nhận thức được các dấu hiệu không điển hình
- Nhận thức được rằng có một số thuật ngữ có thể có sự thay đổi về nghĩa khi chuyển sang bối cảnh khác hay lĩnh vực khác, có một số thuật ngữ không có từ tương đương trong ngôn ngữ khác, hay chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh đặc biệt

Tài liệu tham khảo:

1. Alec Fisher (2001), *Critical thinking, An Introduction*, Cambridge University Press, United Kingdom
2. K. B. Beyer (1995), *Critical thinking*, Bloomington, IN: Phi Delta Kappa Educational Foundation
3. Mathew Lipman (2003), *Thinking in Education*, New York: Cambridge University Press
4. Oxford University Press (2005), *Oxford Advanced Learner's Dictionary 7th Editio*